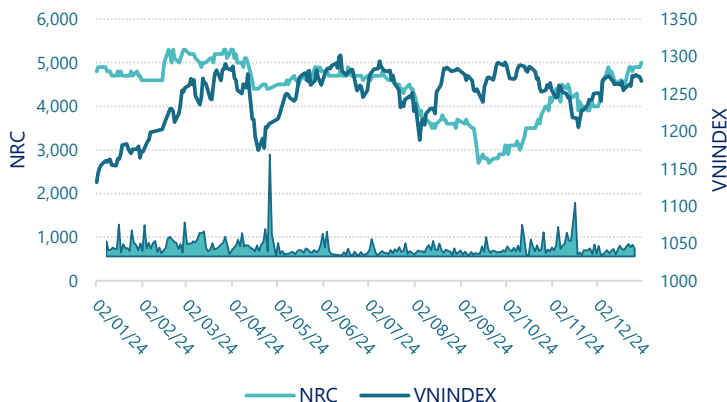


CTCP Tập đoàn Danh Khôi (HNX: NRC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,700
SL cổ phiếu LH	92,597,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	991,229
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	463
P/E	-7.3
EPS	-681

DT thuần

Q4/24

1.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.02 | 1.2%

YoY: ▼ 0.34 | -20.9%

LN sau thuế

Q4/24

-46.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 41.0 | -693%

YoY: ▼ 76.9 | -256%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-120%

+/- YoY: ▼ 2098%

DT thuần

2024

5.15

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.52 | 11.2%

LN sau thuế

2024

-63.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 75.1 | -631%

ROE

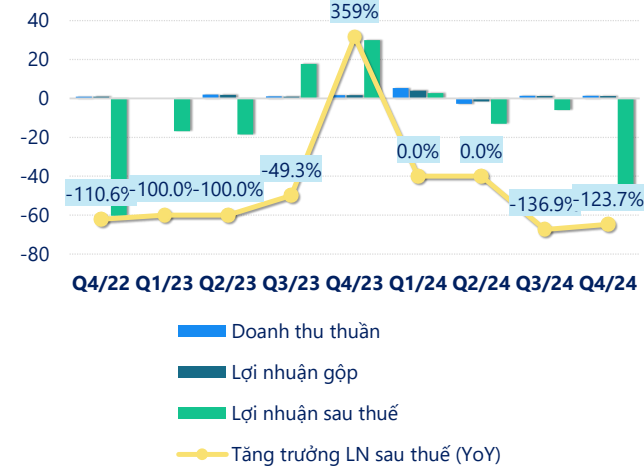
2024

-5.0%

+/- YoY: ▼ 5.9%

tỷ VNĐ

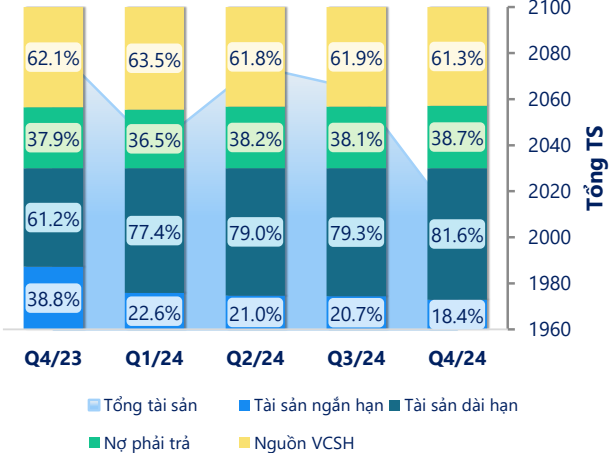
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

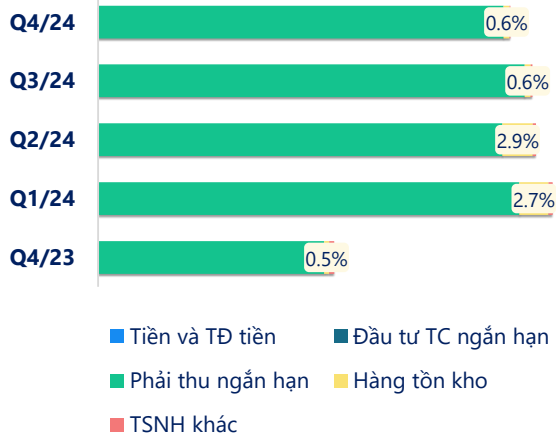
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



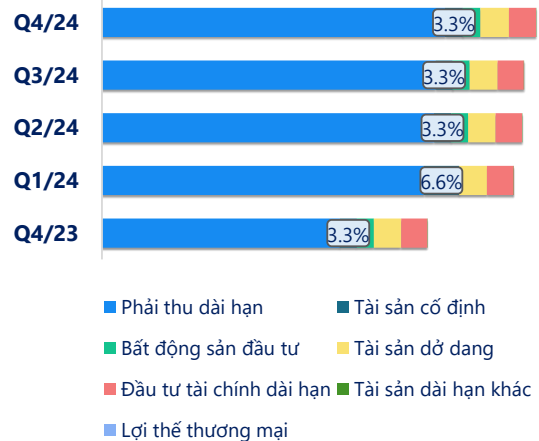
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

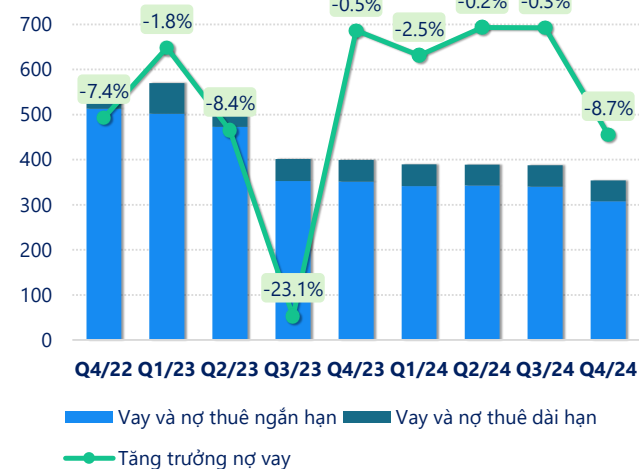
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

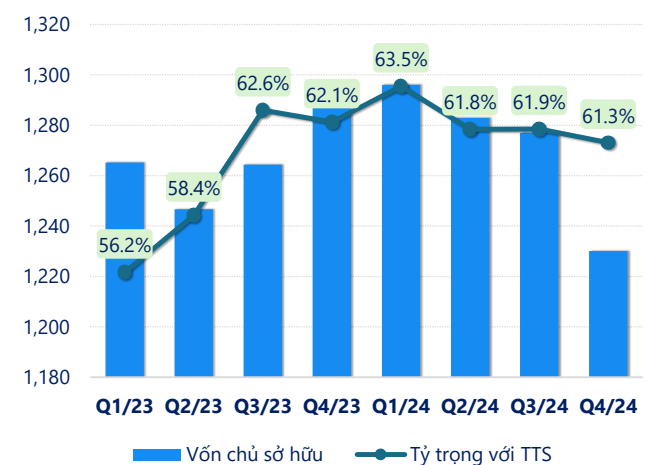
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

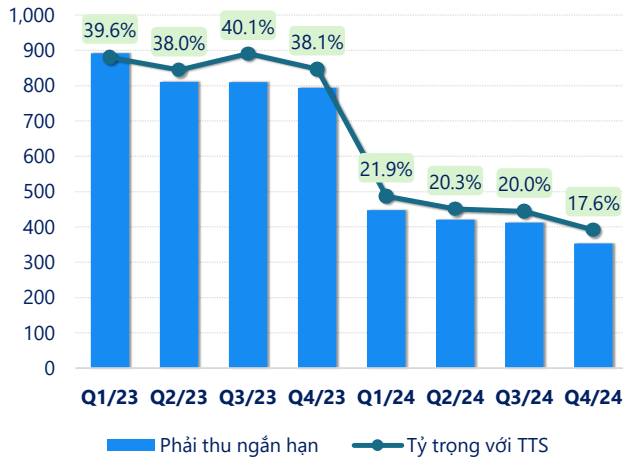
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



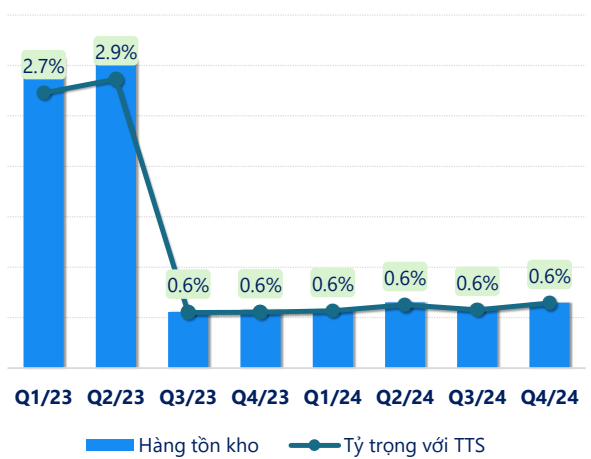
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


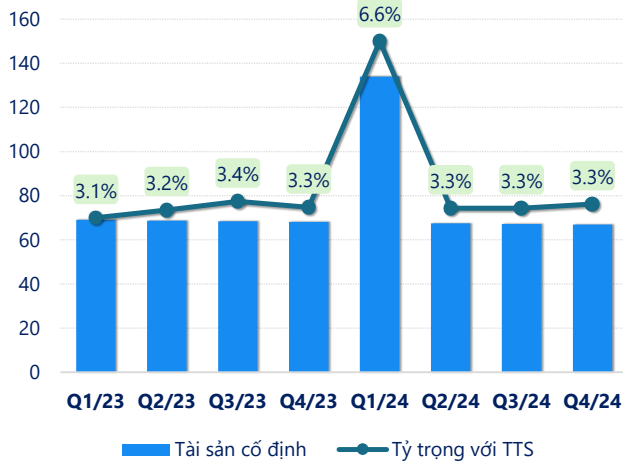
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


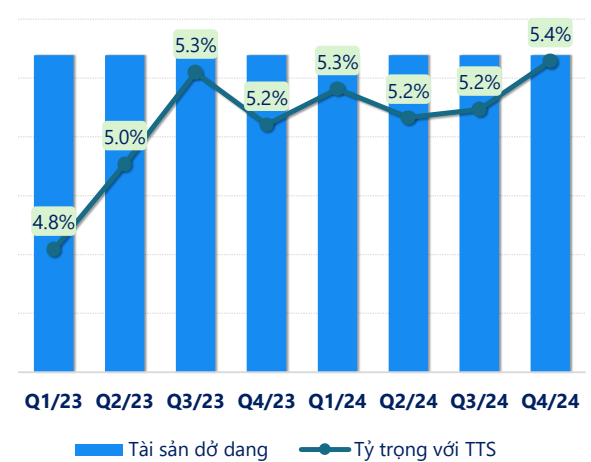
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

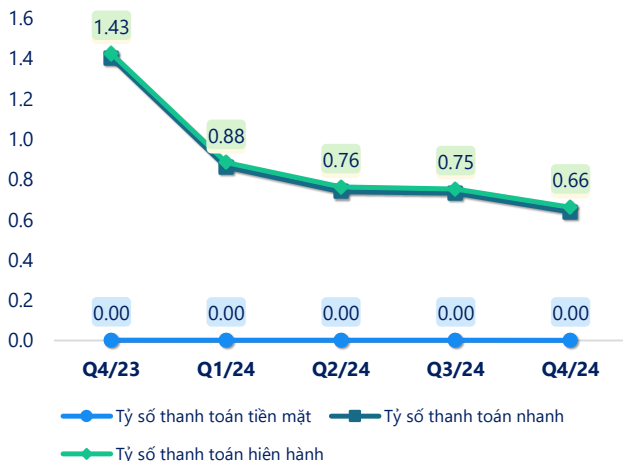
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

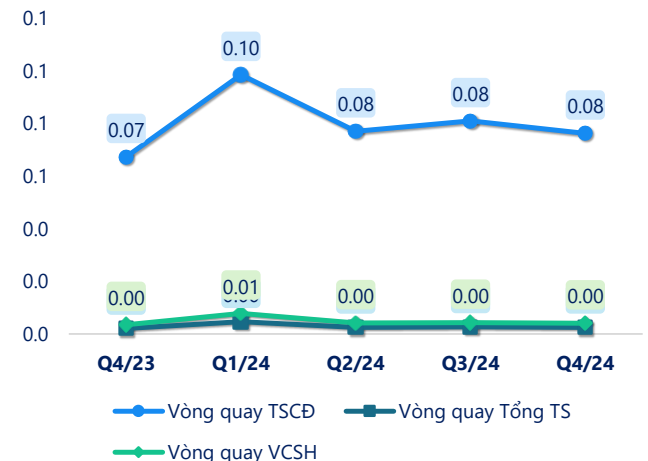
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,083	2,039	2,074	2,064	2,006
Tài sản ngắn hạn	808	461	436	426	368
Tiền và tương đương tiền	0.90	0.55	0.54	0.68	0.47
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	794	447	421	412	353
Hàng tồn kho	11.6	11.6	13.0	11.9	13.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	1.42	1.48	1.51	1.54
Tài sản dài hạn	1,275	1,579	1,638	1,638	1,638
Phải thu dài hạn	931	1,235	1,295	1,295	1,295
Tài sản cố định	68.1	134	67.5	67.2	66.9
Bất động sản đầu tư	66.2	0	66.0	66.0	65.9
Tài sản dở dang	108	108	108	108	108
Đầu tư tài chính dài hạn	102	102	103	102	103
Tài sản dài hạn khác	0.14	0.04	0.05	0.05	0.04
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	789	743	791	787	776
Nợ ngắn hạn	567	521	572	566	557
Vay và nợ thuê ngắn hạn	351	341	342	340	308
Phải trả người bán ngắn hạn	6.71	6.35	6.75	4.27	4.08
Nợ dài hạn	222	222	220	221	220
Vay và nợ thuê dài hạn	48.5	48.5	46.3	47.5	46.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,294	1,296	1,283	1,277	1,230
Vốn chủ sở hữu	1,294	1,296	1,283	1,277	1,230
Vốn điều lệ	926	926	926	926	926
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)